

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DS-ST
Ngày: 22-7-2022
“V/v Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Bích Loan
2. Ông Bùi Quốc Lệ

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp Lò Gạch, xã L, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1945

Địa chỉ: Ấp 7A, xã M, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Tới T1, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp 7A, xã M, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Đặng Thị Thu T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp 7A, xã M, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

3. Cháu Đặng Võ Quỳnh T, sinh năm 2019

4. Cháu Đặng Võ Ngọc T, sinh năm 2006

Cùng địa chỉ: 153 Bis L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Quỳnh T và Ngọc T:

Chị Võ Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: 153 Bis L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

5. Ông La Văn C, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số 92/1 đường L 1, khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

6. Ông Huỳnh Thanh P, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp Lò Gạch, xã L, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

7. Bà Lưu Thị N, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 92/1 đường L, khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2020, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 01/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị N trình bày:

Bà và ông Đặng Văn T có quen biết nhau vì là bà con với nhau. Bà là cháu của ông T và bà T. Bà Nguyễn Thị Ánh T (chết năm 2017). Bà xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà T gồm có: Đặng Văn T, Đặng Tới T1 sinh năm 1981, Đặng Thị Thu T, sinh năm 1984 và Đặng Tiến T3, sinh năm 1978, ông T3 chết ngày 27/6/2019, ông T3 có hai người con là Đặng Võ Quỳnh T, sinh năm 2019, Đặng Võ Ngọc T, sinh năm 2006 và vợ ông T3 là Võ Thị T. Ngoài những người trên, bà cam kết không còn ai là người thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Ánh T.

Vào khoảng năm 1994, bà có nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn T phần đất có diện tích đo đạc thực tế 316,7m² (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 345,2m²) thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An với giá chuyển nhượng là 02 chỉ vàng 24k, bà đã giao đủ tiền cho ông T và ông T đã giao đất cho bà quản lý, sử dụng từ năm 1994 cho đến nay. Khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay ghi nhận việc chuyển nhượng vào ngày 17-4-1994 và hai bên có thỏa thuận miệng với nhau khi bà có yêu cầu thì ông T có trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng sang tên quyền sử dụng đất cho bà.

Đến nay, thời hạn đã quá lâu nhưng ông T vẫn chưa thực hiện việc tách thửa sang tên cho bà theo thỏa thuận mặc dù bà đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông T cố tình không thực hiện. Ông T cứ hẹn hết lần này đến lần khác là sẽ tách thửa sang tên

cho bà nhưng đến nay vẫn không thực hiện, trong khi đã giao đất cho bà quản lý, sử dụng từ năm 1994 đến nay. Bà đã khiếu nại sự việc ra UBND thị trấn B, huyện B để yêu cầu giải quyết nhưng ông T cố tình vắng mặt không lý do mặt dù được Ủy ban mời rất nhiều lần. Vào ngày 18/3/2022, bà đã giao thêm cho ông T số tiền 25.000.000 đồng theo yêu cầu của ông T và ông T đã giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 122, tờ bản đồ số 106 nêu trên cho bà.

Nay bà yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông Đặng Văn T vào ngày 17-4-1994 đối với phần đất diện tích đo đạc thực tế là 316,7m² thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An có hiệu lực pháp luật và công nhận cho bà được quyền sử dụng phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 316,7m² thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An, vị trí, tứ cận phần đất này thể hiện tại được thể hiện tại khu A của Mảnh trích đo địa chính số 381-2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 30/11/2020 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 15/12/2020 và yêu cầu được liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với phần đất nêu trên.

Bà đã giao đủ tiền chuyển nhượng đất cho ông T và đã nhận đất. Bà chỉ chi yêu cầu hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất để được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà không tranh chấp cũng như không yêu cầu xem xét giá trị đất. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác.

Lời trình bày của bị đơn ông Đặng Văn T tại biên bản hòa giải ngày 14/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông có quen biết đối với bà Đặng Thị N vì bà N là cháu của ông. Vợ ông là bà Nguyễn Thị Ánh T (chết năm 2017). Ông xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà T gồm có: Ông Đặng Văn T, Đặng Tới T1, sinh năm 1981, Đặng Thị Thu T, sinh năm 1984 và Đặng Tiến T3 sinh năm 1978, chết ngày 27/6/2019, ông T3 có hai người con là Đặng Võ Quỳnh T, sinh năm 2019, Đặng Võ Ngọc T, sinh năm 2006 và vợ là ông Võ Thị T. Ngoài những người trên, ông cam kết không còn ai là người thừa kế của bà Nguyễn Thị Ánh T.

Vào khoảng năm 1994, ông có chuyển nhượng cho bà Đặng Thị N phần đất có diện tích đo đạc thực tế 316,7m² (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 345,2m²) nay là thửa 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An với giá 02 chỉ vàng 24kara. Sau khi chuyển nhượng ông đã nhận đủ vàng và đã giao đất cho bà N quản lý, sử dụng từ năm 1994 cho đến nay.

Nguồn gốc thửa đất số 122 nêu trên mà ông chuyển nhượng cho bà N là do cha ông là ông Đặng Văn Cu tặng cho riêng ông là Đặng Văn T từ năm 1975, đến năm 2015 ông tiến hành đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 122 nêu trên, đến năm 2018 do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị mất nên ông làm thủ tục để cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo quy định. Thửa đất số 122 này ông được cha ông là ông Cu tặng cho riêng từ năm 1975 nên ông xác định đây là tài sản riêng của ông không liên quan gì

đến bà T và các con của ông nên ông được toàn quyền định đoạt đối với phần đất này.

Vào ngày 18/3/2022, bà N đã giao thêm cho ông số tiền 25.000.000 đồng theo yêu cầu của ông. Ông xác nhận đã nhận đủ số tiền 25.000.000 đồng này và đã giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 122 nêu trên cho bà N.

Nay bà Đặng Thị N khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N và ông vào ngày 17-4-1994 đối với phần đất diện tích đo đạc thực tế là 316,7m² thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An có hiệu lực pháp luật và công nhận cho bà N được quyền sử dụng phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 316,7m² thuộc khu A của Mảnh trích đo địa chính số 381-2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 30/11/2020 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 15/12/2020 thì ông đồng ý. Ngoài ra, ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thu T tại biên bản hòa giải ngày 14/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bà là con của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Ánh T (bà T chết năm 2017). Bà xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà T gồm có: ông Đặng Văn T, Đặng Tới T1 sinh năm 1981, Đặng Thị Thu T, sinh năm 1984 và Đặng Tiên T3 sinh năm 1978, ông T3 chết ngày 27/6/2019, ông T3 có hai người con là Đặng Võ Quỳnh T, sinh năm 2019, Đặng Võ Ngọc T, sinh năm 2006 và vợ ông T3 là Võ Thị T. Ngoài những người trên không còn ai là người thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Ánh T.

Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Đặng Văn T. Bà xác định vào khoảng năm 1994 cha bà là ông Đặng Văn T có chuyển nhượng cho bà Đặng Thị N phần đất có diện tích đo đạc thực tế 316,7m² tọa lạc tại thị trấn Bến Lức nay là thửa 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An với giá 02 chỉ vàng 24kara. Sau khi chuyển nhượng ông T đã nhận đủ vàng và đã giao đất cho bà N quản lý sử dụng từ năm 1994 cho đến nay.

Nguồn gốc thửa đất số 122 mà ông T chuyển nhượng cho bà N nêu trên là do ông nội bà là ông Đặng Văn Cu tặng cho riêng cha bà là ông Đặng Văn T từ năm 1975 đến năm 2015 thì ông T tiến hành đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 122 nêu trên, đến năm 2018 do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị mất nên ông T làm thủ tục để cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo quy định.

Vào ngày 18/3/2022, bà N đã giao cho ông T số tiền 25.000.000 đồng. Bà xác nhận ông T đã nhận đủ số tiền 25.000.000 đồng này và đã giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 122 cho bà N.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N, bà không có ý kiến và tranh chấp gì trong vụ án này vì đây là tài sản riêng của cha bà là ông Đặng Văn T được ông Cu tặng cho riêng nên bà đề ông T được quyền quyết định trong vụ án này, mọi quyết định của ông T là quyết định của bà, bà xác định không tranh chấp hay khiếu nại gì trong vụ án này. Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Tới T1 và người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Quỳnh Trâm và Ngọc Trâm bà Võ Thị T tại bản tự khai ngày 13/01/2022 thống nhất trình bày:

Ông T1 là con của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Ánh T (bà T chết năm 2017), bà Thi là con dâu của ông T và bà T.

Ông bà xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà T gồm có: ông Đặng Văn T, Đặng Tới T1, Đặng Thị Thu T và Đặng Tiến T3, ông T3 chết ngày 27/6/2019, ông T3 có hai người con là Đặng Võ Quỳnh T, sinh năm 2019, Đặng Võ Ngọc T, sinh năm 2006 và vợ ông T3 là Võ Thị T. Ngoài những người trên không còn ai là người thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Ánh T.

Ông bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Đặng Văn T. Ông bà xác định vào khoảng năm 1994 ông Đặng Văn T có chuyển nhượng cho bà Đặng Thị N phần đất có diện tích 316,7m² tọa lạc tại thị trấn Bến Lức nay là thửa 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An với giá 02 chỉ vàng 24kara. Sau khi chuyển nhượng ông T đã nhận đủ vàng và đã giao đất cho bà N quản lý sử dụng từ năm 1994 cho đến nay.

Nguồn gốc thửa đất số 122 mà ông T chuyển nhượng cho bà N nêu trên là do ông Đặng Văn Cu tặng cho riêng ông Đặng Văn T từ năm 1975 đến năm 2015 thì ông T tiến hành đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 122 nêu trên, đến năm 2018 do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị mất nên ông T làm thủ tục để cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo quy định.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N, ông bà không có ý kiến và tranh chấp gì trong vụ án này vì đây là tài sản riêng của ông Đặng Văn T được ông Cu tặng cho riêng nên ông bà để ông T được quyền quyết định trong vụ án này, mọi quyết định của ông T là quyết định của ông bà, ông bà xác định không tranh chấp hay khiếu nại gì trong vụ án này. Ngoài ra, ông bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh P tại biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2022:

Ông và bà Đặng Thị N là vợ chồng, hiện hôn nhân ông bà vẫn còn tồn tại. Ông và ông Đặng Văn T có quen biết nhau vì là bà con với nhau. Ông là cháu rể của ông T và bà T. Bà Nguyễn Thị Ánh T (chết năm 2017). Ông xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà T gồm có: Đặng Văn T, Đặng Tới T1, Đặng Thị Thu T và Đặng Tiến T3, ông T3 chết ngày 27/6/2019, ông T3 có hai người con là Đặng Võ Quỳnh T, sinh năm 2019, Đặng Võ Ngọc T, sinh năm 2006 và vợ ông T3 là Võ Thị T. Ngoài những người trên, ông cam kết không còn ai là người thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị Ánh T.

Vào khoảng năm 1994, vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn T phần đất có diện tích 316,7m² nay thuộc thửa đất số 122, cùng tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An với giá chuyển nhượng là 02 chỉ vàng 24k, vợ chồng ông đã giao đủ tiền cho ông T và ông T đã giao đất

cho vợ chồng ông sử dụng từ năm 1994 cho đến nay. Hai bên có làm giấy tay ghi nhận việc chuyển nhượng vào ngày 17-4-1994 và có thỏa thuận khi có yêu cầu thì ông T có trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng sang tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông.

Đến nay thời hạn đã quá lâu nhưng ông T vẫn chưa thực hiện việc tách thửa sang tên cho gia đình ông theo thỏa thuận mặc dù gia đình ông đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông T cố tình không thực hiện. Ông T cứ hẹn hết lần này đến lần khác là sẽ tách thửa sang tên cho ông nhưng đến nay vẫn không thực hiện, trong khi đã giao đất cho ông sử dụng từ năm 1994 đến nay. Ông đã khiếu nại sự việc ra UBND thị trấn Bến Lức để yêu cầu giải quyết nhưng ông T cố tình vắng mặt không lý do mặt dù được Ủy ban mời rất nhiều lần. Vào ngày 18/3/2022, vợ chồng ông đã giao cho ông T số tiền 25.000.000 đồng theo yêu cầu của ông T và ông T đã giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 122 cho ông bà.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà N thì ông đồng ý. Do vợ ông là người trực tiếp đứng ra giao nhận tiền và ký hợp đồng chuyển nhượng với ông T nên ông để vợ ông được toàn quyền quyết định trong vụ án này, mọi quyết định của vợ ông đều là quyết định của ông.

Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị N và ông La Văn C:

Ông bà là vợ chồng, hiện hôn nhân vẫn còn tồn tại. Vợ chồng bà là người đang quản lý sử dụng phần đất có diện tích đo đạc thực tế 695m² thuộc thửa đất số 87 và một phần thửa đất 122, cùng tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Thửa đất 87 ông bà nhận chuyển nhượng từ ông Đặng Văn T và quản lý sử dụng ổn định từ năm 1994 đến nay. Ranh giới giữa thửa đất số 87 mà ông bà đang quản lý sử dụng và thửa đất số 122 của bà Đặng Thị N đã có cột mốc, bờ ranh rõ ràng, hai bên đã thống nhất xác định ranh giới trên thực tế và quản lý ổn định từ trước đến nay. Theo Mảnh trích đo địa chính số 381-2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 30/11/2020 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 15/12/2020 thì phần đất có diện tích 28,5m² thuộc khu B của Mảnh trích đo địa chính số 381 nêu trên theo ranh bản đồ thuộc thửa đất số 122 nhưng thực tế do vợ chồng ông bà đang quản lý sử dụng, ông bà xác định không có tranh chấp và ý kiến gì đối với khu B này với bà Đặng Thị N, vợ chồng ông bà đã yêu cầu Tòa án công nhận phần đất này và bà N cũng không có tranh chấp gì với gia đình ông bà vì ông bà quản lý sử dụng đất theo thực tế từ năm 1994 đến nay, khi nhận chuyển nhượng như thế nào thì quản lý sử dụng như thế đó, ông bà không có lán đất của bà N.

Tại phiên tòa, các đương sự xác định không cung cấp chứng cứ, tài liệu mới, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Các đương sự thống nhất với kết quả đo đạc theo Mảnh trích đo địa chính số 381-2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 30/11/2020 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 15/12/2020 và Chứng thư thẩm định giá số Vc 21/06/152/BDS-LA ngày 28/6/2021 do Công ty cổ phần thông tin và Thẩm định giá Miền Nam thực hiện, đề nghị Tòa

án căn cứ vào các kết quả trên để giải quyết vụ án. Các đương sự không yêu cầu Tòa án tiến hành đo đạc, định giá lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản xác minh, biên bản lấy lời khai đối với người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở vì sau khi nhận chuyển nhượng từ phía ông T thì nguyên đơn đã trực tiếp canh tác, quản lý sử dụng thời gian dài, không ai tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án thì phía bị đơn đề nghị nhận thêm tiền thì mới đồng ý yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn bà N cũng đã đồng ý và hai bên đã tự giao nhận tiền xong. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà N khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông Đặng Văn T vào ngày 17-4-1994 đối với phần đất diện tích đo đạc thực tế là 316,7m² thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An có hiệu lực pháp luật và công nhận cho bà được quyền sử dụng phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 316,7m² thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An, vị trí, tứ cận phần đất này thể hiện tại được thể hiện tại khu A của Mảnh trích đo địa chính số 381-2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 30/11/2020 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 15/12/2020 và yêu cầu được liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với phần đất nêu trên. Bị đơn và tài sản tranh chấp tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Tới T1, bà Đặng Thị Thu T, ông Huỳnh Thanh P, bà Lưu Thị N vắng mặt có đơn xin vắng mặt, bà Võ Thị T là người đại diện hợp pháp của người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Quỳnh Trâm và Ngọc Trâm vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị N thấy rằng:

[3.1] Xét giấy tay chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/4/1994 và lời trình bày của bà N và ông T, cùng các con của ông T đều thừa nhận có sự việc ông T chuyển nhượng cho bà N phần đất diện tích đo đạc thực tế là 316,7m² nay thuộc một phần thửa đất số 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phủ nhận những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra là bên đương sự đó không phải chứng minh*” nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy, việc ông T chuyển nhượng cho bà N phần đất có tích diện tích đo đạc thực tế là 316,7m² nay thuộc một phần thửa đất số 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An là có thật.

[3.2] Xét tại thời điểm hai bên ký kết giấy tay chuyển nhượng đất ngày 17-4-1994 để chuyển nhượng phần đất có diện tích 316,7m² nay thuộc một phần thửa đất số 122, tờ bản đồ số 106 nêu trên thì các bên đều biết phần đất này ông Đặng Văn T là người trực tiếp sử dụng và đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng chưa tuân thủ quy định tại Điều 691 Bộ luật dân sự năm 1995 và Luật đất đai năm 1993. Ngày 08 tháng 7 năm 2016, ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T vẫn không tiến hành thủ tục sang tên cho bà N. Theo quy định tại điểm b.2, Tiểu mục b, mục 2.3, khoản 2, phần II của Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà tại thời điểm giao kết vi phạm các điều kiện được hướng dẫn tại điểm a.4 và điểm a.6 tiểu mục 2.3 mục 2 này, nhưng sau đó đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật đất đai năm 2003 mà có phát sinh tranh chấp và từ ngày 01-7-2004 mới có yêu cầu Tòa án giải quyết, thì không coi là hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều kiện này*” nên hợp đồng chuyển nhượng được giao kết giữa các bên không bị vô hiệu do vi phạm hình thức.

[3.3] Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2022, ông T yêu cầu bà N phải giao thêm cho ông T số tiền 25.000.000đồng thì ông T mới đồng ý tiếp tục sang nhượng đất cho bà N, trước yêu cầu của ông T về việc giao thêm số tiền 25.000.000đồng thì bà N đồng ý nên vào ngày 18/3/2022, bà N đã giao thêm cho ông T số tiền 25.000.000đồng, ông T xác nhận đã nhận đủ tiền yêu cầu thêm nên đã thông nhất với toàn bộ yêu cầu của bà N, ông T đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng và sang tên cho bà N được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng như công nhận cho bà N quyền sử dụng thửa đất số 122. Như vậy, giao dịch giữa bà N với ông T là giao dịch được xác lập lại và đang được thực hiện nên cần áp dụng

điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 để áp dụng pháp luật dân sự hiện hành để giải quyết.

[3.4] Căn cứ vào quá trình thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các bên thì ông Đặng Văn T xác nhận đã nhận đủ toàn bộ số tiền vàng chuyển nhượng và đã bàn giao đất cho bà Đặng Thị N quản lý sử dụng từ năm 1994 đến nay; quá trình bà N quản lý, sử dụng đất ổn định từ khi nhận chuyển nhượng đến nay bên bị đơn không có ý kiến phản đối, không khiếu nại hay khởi kiện tranh chấp với bà N. Tuy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/4/1994 không được công chứng, chứng thực theo quy định nhưng bà N đã giao đủ tiền vàng cho ông T và ông T đã giao đất cho bà N quản lý, sử dụng hơn 28 năm, theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng và chứng thực*”. Xét thấy, các bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ đối với nhau nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà N cần công nhận hợp đồng chuyển nhượng bằng giấy tay ngày 17-4-1994 có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.5] Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 688, Điều 500, 501, 502 và khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị N và ông Đặng Văn T vào ngày 17-4-1994 đối với phần đất diện tích đo đạc thực tế là 316,7m² thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An có hiệu lực pháp luật. Bà Đặng Thị N được quyền sử dụng phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 316,7m² thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An, vị trí, tứ cận phần đất này được thể hiện tại khu A của Mảnh trích đo địa chính số 381-2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 30/11/2020 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 15/12/2020 và bà N được liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với phần đất nêu trên.

[4] Về chi phí đo đạc, định giá và thẩm định tại chỗ tổng cộng là 14.800.000đồng, bà Đặng Thị N tự nguyện chịu toàn bộ (đã nộp và chi xong).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các bên đã giao đủ tiền chuyển nhượng đất và đã nhận đất quản lý sử dụng, nguyên đơn chỉ yêu cầu hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất để được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bên không tranh chấp cũng như không yêu cầu xem xét giá trị hợp đồng nên án phí dân sự sơ thẩm được tính theo án phí không có giá ngạch. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn ông Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ

thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nhưng tại phiên tòa bà Đặng Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 691 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 688, Điều 500, 501, 502 và khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị N.

1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (thể hiện tại Giấy tay ngày 17/4/1994) giữa bà Đặng Thị N và ông Đặng Văn T đối với phần đất diện tích đo đạc thực tế là 316,7m² thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An có hiệu lực pháp luật.

2. Bà Đặng Thị N được quyền sử dụng phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 316,7m² thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 106, tọa lạc tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Vị trí, tứ cận phần đất này thể hiện tại được thể hiện tại khu A của Mảnh trích đo địa chính số 381-2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 30/11/2020 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 15/12/2020.

(Mảnh trích đo được đính kèm theo bản án).

3. Bà Đặng Thị N được liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai. Cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để điều chỉnh biến động hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với quyết định của bản án.

4. Về chi phí đo đạc, định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ là 14.800.000đồng, bà Đặng Thị N tự nguyện chịu toàn bộ (đã nộp và chi xong).

5. Về án phí: Bà Đặng Thị N tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002264 ngày 14/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Bà Đặng Thị N đã nộp đủ án phí.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Dũng - Dương Thị Sáu

Trần Thị Thanh Thúy

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Phiên tòa 28 tháng 11 năm 2018

Vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 11 năm 2018

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Bà Dương Thị Sáu

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 344/2017/TLST-DS, ngày 14 tháng 8 năm 2017, thụ lý bổ sung số 443/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 và thụ lý bổ sung số 729/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018 về việc “*Tranh chấp thừa kế, yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Tiên, sinh năm 1963
2. Ông Nguyễn Chí Hiếu, sinh năm 1960
3. Bà Nguyễn Thị Thu Hồng, sinh năm 1967
4. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa, sinh năm 1959

Bị đơn: Bà Lâm Thị Ánh Nguyệt, sinh năm 1931

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3;

Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 133, 218, 500, 502, khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 33 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

1. Buộc bà Lâm Thị Ánh Nguyệt phải có trách nhiệm thanh toán cho các ông bà Nguyễn Văn Tiên, Nguyễn Chí Hiếu, Nguyễn Thị Thu Hồng và Nguyễn Thị Ngọc Hoa mỗi người số tiền 121.428.571 đồng tương đương với một kỷ phần thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn Hết theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An được Văn phòng công chứng Bến Lức công chứng số 4825, quyển số 01-2017-TP/CC-SCC/HĐGD và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An được Văn phòng công chứng Bến Lức công chứng số 4826, quyển số 01-2017-TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày 18 tháng 7 năm 2017 được xác lập giữa bà Lâm Thị Ánh Nguyệt và ông Đào Duy Minh.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Duy Minh: Công nhận cho ông Đào Duy Minh được quyền sử dụng thửa đất số 35, diện tích đo đạc thực tế là 9.361,9m², loại đất BHK và thửa đất số 37, diện tích đo đạc thực tế là 29.660,9m², loại đất RSX, cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức. Vị trí, tứ cận phần đất này thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 116, 117-2018 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 02/5/2018 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức phê duyệt ngày 05/6/2018 (Các mảnh trích đo được đính kèm theo bản án).

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành làm thủ tục kê khai, đăng ký, điều chỉnh để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí đo đạc, định giá và thẩm định tại chỗ là 30.300.000 đồng. Do các nguyên đơn và bà Nguyệt đều được hưởng phần di sản thừa kế do ông Hết để lại nên mỗi người phải chịu 1/5 trong tổng số chi phí nêu trên. Cụ thể mỗi người phải chịu 6.060.000 đồng. Các nguyên đơn đã tạm nộp và chi phí xong nên buộc bà Nguyệt phải hoàn trả lại cho các nguyên đơn số tiền 6.060.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Buộc các ông bà Nguyễn Văn Tiên, Nguyễn Chí Hiếu, Nguyễn Thị Thu Hồng và Nguyễn Thị Ngọc Hoa mỗi người phải chịu 6.071.429 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản thừa kế được hưởng và mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không được chấp nhận. Tổng cộng mỗi người phải chịu 6.371.429 đồng án phí. Khấu trừ số tiền 1.250.000 đồng và 300.000 đồng mỗi người đã tạm nộp theo các biên lai thu số 0005579, 0005580, 0005581, 0005582 cùng ngày 14/8/2017 và 0007137, 0007138, 0007139, 0007140 cùng ngày 17/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Các ông bà Nguyễn Văn Tiên,

Nguyễn Chí Hiếu, Nguyễn Thị Thu Hồng và Nguyễn Thị Ngọc Hoa mỗi người phải nộp thêm 4.521.429 đồng án phí.

Bà Lâm Thị Ánh Nguyệt được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đào Duy Minh số tiền 31.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006744 ngày 02/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Cường - Dương Thị Sáu

Trần Thị Thanh Thúy

